

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2026/QĐ-CTUBND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2025/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1621/TTr-STC ngày 13 tháng 02 năm 2026 và Báo cáo thẩm định số 54/BC-STP ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Sở Tư pháp;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2025/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2025/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản công bằng hiện vật (không bao gồm các tài sản: của dự án sử dụng vốn nhà nước, được xác lập quyền sở hữu toàn dân và đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi phương tiện vận chuyển, tài sản khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định:

1. Điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

2. Điều chuyển tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc cấp tỉnh và cấp xã.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định gồm:

a) Phương tiện vận chuyển, tài sản khác của cơ quan, tổ chức mình và của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

b) Phương tiện vận chuyển, tài sản khác có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán phương tiện vận chuyển và tài sản khác có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị mình và đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Cơ sở hoạt động sự nghiệp, phương tiện vận chuyển và tài sản khác của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thuộc phạm vi quản lý.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công gồm: Cơ sở hoạt động sự nghiệp, phương tiện vận chuyển và tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị mình và đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phương án giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 9, 10, 11, 12, 13 của Quyết định này (trừ phương án điều chuyển tài sản trong trường hợp đặc biệt và xử lý tài sản theo hình thức khác được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 6 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP).”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Vũ Văn Điện